

**KẾT QUẢ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HỘI ĐỒNG 26: THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH**

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
1	403020	1	Wu Shung An	10	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		
2	403021	1	Chế Nguyễn Thảo Anh	09	01	2000	Thừa Thiên - Huế	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
3	403022	1	Đặng Châu Anh	28	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
4	403023	1	Đặng Thuý Anh	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
5	403024	1	Đoàn Nam Anh	17	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
6	403025	1	Đỗ Chí Duy Anh	02	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.25	9	8.5	Khá
7	403026	1	Đường Ngọc Bảo Anh	06	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
8	403027	1	Hồ Tân Anh	27	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
9	403028	1	Lê Hoàng Phương Anh	14	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
10	403029	1	Lê Huỳnh Thiên Anh	30	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
11	403030	1	Lê Nguyễn Lan Anh	01	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
12	403031	1	Lữ Hoàng Hồng Anh	09	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
13	403032	1	Mai Lan Anh	11	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5	10	9.0	Giỏi
14	403033	1	Ngô Hồng Anh	21	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
15	403034	1	Ngô Lê Hoàng Anh	07	12	2000	Tiền Giang	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
16	403035	1	Ngô Thị Tuyết Anh	08	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
17	403036	1	Nguyễn Phương Anh	01	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
18	403037	1	Nguyễn Thị Mai Anh	28	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
19	403038	1	Nguyễn Thụy Minh Anh	26	04	2000	Khánh Hòa	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
20	403039	1	Phạm Nguyễn Tiến Anh	05	12	2000	Nam Định	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
21	403040	1	Phạm Thị Hồng Anh	25	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
22	403041	1	Phan Hoàng Anh	24	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
23	403042	1	Trần Duy Tuấn Anh	20	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	2.5	10	8.0	Hồng
24	403043	1	Trần Hà Phương Anh	14	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
25	403044	1	Trần Lương Đức Anh	10	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.5	v		
26	403045	1	Trần Nam Anh	26	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
27	403046	1	Trần Tuấn Anh	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	v		
28	403047	1	Võ Minh Anh	20	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	v		

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
29	403048	2	Vũ Ngọc Lan	Anh	10	11	2000	Cần Thơ	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
30	403049	2	Vũ Phương	Anh	16	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5	9	8.0	Khá
31	403050	2	Vũ Quốc	Anh	27	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	v		
32	403051	2	Dư Bội	Ân	19	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
33	403052	2	Huỳnh Ngọc	Ân	16	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
34	403053	2	Lê Gia	Ân	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
35	403054	2	Lưu Gia	Ân	24	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8.25	10	9.5	Giỏi
36	403055	2	Nguyễn Đình Thiên	Ân	01	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
37	403056	2	Nguyễn Thảo Thiên	Ân	19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
38	403057	2	Tăng Mỹ	Ân	18	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
39	403058	2	Trần Gia	Ân	19	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
40	403059	2	Trần Thị Thuận	Ân	08	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	4.5	10	8.5	Tbình
41	403060	2	Trần Long	Ân	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8.25	10	9.5	Giỏi
42	403061	2	Cao Hoàng	Bảo	04	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
43	403062	2	Đoàn Khoa	Bảo	17	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
44	403063	2	Hồ Nguyên	Bảo	07	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5	8.5	7.5	Khá
45	403064	2	Huỳnh Quang	Bảo	05	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
46	403065	2	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	19	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	8.5	8.0	Khá
47	403066	2	Nguyễn Trần Quốc	Bảo	07	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
48	403067	2	Phạm Ngô Quốc	Bảo	20	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
49	403068	2	Phan Ngọc	Bảo	28	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8.25	9	9.0	Giỏi
50	403069	2	Trần Tiến	Bảo	03	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5	9	8.0	Khá
51	403070	2	Vũ Tuấn	Bảo	31	12	2000	Hà Nội	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
52	403071	2	Lê Thị Ngọc	Bích	27	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
53	403072	2	Võ Thị Ngọc	Bích	31	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
54	403073	2	Trần Hải Nguyên	Bình	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn		v		
55	403074	2	Trần Thanh	Bình	05	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	4.75	10	8.5	Tbình
56	403075	2	Trương Thuận	Cảnh	06	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	3.75	9	7.5	Tbình
57	403076	3	Dương Hoàng	Châu	02	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6	7	7.0	Khá
58	403077	3	Hoàng Kim	Châu	13	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
59	403078	3	Lý Nguyễn Kim	Châu	20	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	8	7.5	Khá
60	403079	3	Nguyễn Thị Bảo	Châu	01	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	8	7.5	Khá
61	403080	3	Phan Minh	Châu	05	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
62	403081	3	Võ Ngọc Minh	Châu	30	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
63	403082	3	Lê Ngọc Lan Chi	27	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	9	9	9.0	Giỏi
64	403083	3	Nguyễn Hà Khánh Chi	12	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	8	7.5	Khá
65	403084	3	Nguyễn Thị Mỹ Chi	08	02	2000	Đồng Nai	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	9	8.5	Khá
66	403085	3	Nguyễn Thiện Chí	28	01	2000	An Giang	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	9	8.5	Khá
67	403086	3	Lén Ngọc Chiến	03	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	7	7.0	Khá
68	403087	3	Lê Võ Thành Công	14	03	2000	Thanh Hóa	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.75	8	7.5	Khá
69	403088	3	Nguyễn Ôn Lập Cơ	19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8	8	8.0	Khá
70	403089	3	Đinh Huy Cường	27	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5	7	6.5	Tbình
71	403090	3	Lâm Phú Cường	28	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6	9	8.5	Khá
72	403091	3	Lương Trí Cường	25	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	5	5.0	Tbình
73	403092	3	Trần Hải Cường	09	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		
74	403093	3	Nguyễn Công Danh	10	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.5	8	7.5	Khá
75	403094	3	Nguyễn Duy Quỳnh Dao	27	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	8	7.5	Khá
76	403095	3	Tôn Nữ Văn Dao	11	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
77	403096	3	Nguyễn Thị Kiều Diễm	03	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
78	403097	3	Trần Ngọc Diệp	04	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	8	8.0	Khá
79	403098	3	Trần Nguyễn Ngọc Diệp	08	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	7	6.5	Tbình
80	403099	3	Trương Phan Mỹ Diệu	05	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	4.75	8	7.0	Tbình
81	403100	3	Trình Bội Du	17	02	2000	Cà Mau	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.5	9	8.5	Khá
82	403101	3	Hoàng Kim Dung	10	05	2000	Hải Phòng	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá
83	403102	3	Lại Ngọc Dung	01	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8	8	8.0	Khá
84	403103	3	Ngô Bội Dung	15	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
85	403104	4	Trần Kim Dung	28	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8.25	9	9.0	Giỏi
86	403105	4	Trần Mỹ Dung	16	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.5	9.5	9.5	Giỏi
87	403106	4	Đoàn Quang Quốc Dũng	18	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
88	403107	4	Hồ Anh Duy	29	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.25	10	9.0	Giỏi
89	403108	4	Huỳnh Anh Duy	07	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
90	403109	4	Nguyễn Đức Duy	10	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
91	403110	4	Phạm Hoàng Duy	20	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	8.5	8.0	Khá
92	403111	4	Phan Minh Duy	11	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	v	v		
93	403112	4	Võ Anh Duy	29	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.5	9	9.0	Giỏi
94	403113	4	An Thuỷ Mỹ Duyên	24	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.5	9	8.5	Khá
95	403114	4	Đỗ Thị Ngọc Duyên	05	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	8.5	8.0	Khá
96	403115	4	Lý Ái Duyên	04	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	8.5	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
97	403116	4	Nguyễn Dương Mỹ Duyên	05	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.25	8.5	8.0	Khá
98	403117	4	Nguyễn Kỳ Duyên	01	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	9	8.5	Khá
99	403118	4	Nguyễn Huỳnh Thế Dư	08	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.5	8	7.5	Khá
100	403119	4	Huỳnh Đại Dương	21	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.5	8	7.5	Khá
101	403120	4	Lâm Huỳnh Thái Dương	20	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.25	8.5	8.5	Khá
102	403121	4	Nguyễn Thùy Dương	01	11	2000	Hà Nội	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.25	8.5	8.0	Khá
103	403122	4	Dao Đình Dy	20	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	9.25	8.5	Khá
104	403123	4	Phạm Hồng Lynh Đa	24	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.5	9	8.5	Khá
105	403124	4	Lê Hoàng Linh Đan	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
106	403125	4	Dư Anh Đào	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9.25	8.5	Khá
107	403126	4	Nguyễn Ngọc Đào	11	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
108	403127	4	Lê Nguyễn Thành Đạt	02	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	8	7.5	Khá
109	403128	4	Lý Chánh Đạt	03	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	8.5	8.0	Khá
110	403129	4	Nguyễn Quốc Đạt	30	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	9	8.5	Khá
111	403130	4	Nguyễn Sanh Đạt	11	11	1999	Thừa Thiên - Huế	Diên Hồng	Nấu ăn	3.5	7.5	6.5	Tbình
112	403131	4	Tiêu Tự Đạt	18	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.5	7.5	7.0	Tbình
113	403132	5	Trần Huy Đạt	14	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
114	403133	5	Trần Khang Đạt	19	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.25	9	8.5	Khá
115	403134	5	Võ Bá Đạt	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
116	403135	5	Võ Phi Thành Đạt	29	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	v		
117	403136	5	Võ Trọng Đạt	13	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.75	8.5	8.0	Khá
118	403137	5	Vòng Hòa Đạt	07	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá
119	403138	5	Nguyễn Hải Đăng	22	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	v	v		
120	403139	5	Vũ Quốc Hải Đăng	12	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.75	9	8.0	Tbình
121	403140	5	Thang Bích Đình	03	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.25	9.25	9.0	Giỏi
122	403141	5	Võ Thành Đồng	10	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	5.75	9.25	8.5	Khá
123	403142	5	Huỳnh Minh Đức	02	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5	9	8.0	Khá
124	403143	5	Nguyễn Thị Mỹ Đức	21	09	2000	Đồng Tháp	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.5	9.75	9.0	Giỏi
125	403144	5	Nguyễn Xuân Đức	31	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
126	403145	5	Vũ Bùi Hồng Đức	25	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.5	v		
127	403146	5	Hồ Gia Đường	25	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.75	8.5	8.0	Khá
128	403147	5	Tô Mỹ Gia	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
129	403148	5	Nguyễn Hoàng Giang	12	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
130	403149	5	Trần Nguyễn Thu Giang	08	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
131	403150	5	Lư Thanh Hà	26	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
132	403151	5	Lý Ngọc Hà	14	02	2000	Bến Tre	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	9	9.5	9.5	Giỏi
133	403152	5	Nguyễn Thanh Hà	17	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	v		
134	403153	5	Nguyễn Thị Thu Hà	28	08	2000	Đồng Tháp	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6	8.5	8.0	Khá
135	403154	5	Vô Thị Thanh Hà	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	8.5	8.0	Khá
136	403155	5	Tổng Ngọc Kim Hải	29	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	8.5	8.0	Khá
137	403156	5	Trần Duy Hải	01	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
138	403157	5	Lê Thị Minh Hạnh	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá
139	403158	5	Nguyễn Võ Mỹ Hạnh	17	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	8.5	8.0	Khá
140	403159	5	Huỳnh Gia Hào	03	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.5	8.5	8.5	Khá
141	403160	6	Lưu Chí Hào	21	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.5	8.5	8.0	Khá
142	403161	6	Ngô Vĩ Hào	21	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
143	403162	6	Nguyễn Anh Hào	25	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	9	8.5	Khá
144	403163	6	Tạ Bính Hào	28	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
145	403164	6	Trịnh Minh Hào	18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6	8.5	8.0	Khá
146	403165	6	Trầm Huệ Hào	01	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6	8	7.5	Khá
147	403166	6	Lưu Ngọc Thúy Hằng	26	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
148	403167	6	Thù Mỹ Lệ Hằng	28	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
149	403168	6	Hoàng Kim Hân	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
150	403169	6	Huỳnh Bảo Hân	16	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.25	8	7.5	Khá
151	403170	6	Huỳnh Nguyễn Ngọc Hân	07	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
152	403171	6	Lê Đoàn Bảo Hân	07	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.25	8.5	8.0	Khá
153	403172	6	Lê Gia Hân	04	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.5	8.5	8.5	Khá
154	403173	6	Lê Hoàng Bảo Hân	18	01	2000	Bến Tre	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	8	9.5	9.0	Giỏi
155	403174	6	Lê Trà Minh Hân	07	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	9	8.5	Khá
156	403175	6	Lương Khả Hân	06	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn		v		
157	403176	6	Lưu Bích Hân	10	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6	7.5	7.0	Khá
158	403177	6	Lý Kỳ Hân	24	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.75	8.5	8.0	Khá
159	403178	6	Nguyễn Ngọc Hân	09	06	2000	An Giang	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	8	8.0	Khá
160	403179	6	Nguyễn Ngọc Hân	18	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8	8.5	8.5	Khá
161	403180	6	Nguyễn Ngọc Hân	08	01	2000	An Giang	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	8.5	8.0	Khá
162	403181	6	Nguyễn Ngọc Gia Hân	20	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	v	v		
163	403182	6	Phạm Bảo Hân	27	06	2000	Lâm Đồng	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	8.5	8.0	Khá
164	403183	6	Quách Dĩnh Hân	18	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
165	403184	6	Tăng Gia Hân	23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
166	403185	6	Tiết Mỹ Hân	25	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.5	9	8.5	Khá
167	403186	6	Cao Văn Hậu	18	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
168	403187	6	Trần Thị Hồng Hậu	29	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
169	403188	7	Lê Thị Thu Hiền	22	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
170	403189	7	Nguyễn Mai Thảo Hiền	02	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
171	403190	7	Phạm Thị Ngọc Hiền	09	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8.5	v		
172	403191	7	Trần Phúc Hiền	05	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
173	403192	7	Nguyễn Trung Hiếu	29	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8.5	10	9.5	Giỏi
174	403193	7	Lộc Lệ Hoa	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
175	403194	7	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	05	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
176	403195	7	Phạm Thị Hoa	21	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
177	403196	7	Trịnh Quỳnh Hoa	10	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
178	403197	7	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	04	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
179	403198	7	Nguyễn Lâm Vũ Hoàng	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
180	403199	7	Trần Đăng Minh Hoàng	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
181	403200	7	Lưu Tiểu Hồng	29	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
182	403201	7	Nguyễn Ngọc Hồng	09	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
183	403202	7	Phạm Thị Ánh Hồng	10	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
184	403203	7	Phan Thị Mỹ Hồng	09	06	2000	Long An	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
185	403204	7	Diệp Tiểu Huệ	06	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.5	10	9.5	Giỏi
186	403205	7	Huang Thục Huệ	14	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
187	403206	7	Lý Gia Huệ	29	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
188	403207	7	Đỗ Chí Hùng	19	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
189	403208	7	Tăng Kiến Hùng	15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	4.25	10	8.5	Tbình
190	403209	7	Thông Vĩ Hùng	03	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
191	403210	7	Diệp Diễm Huy	07	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
192	403211	7	Dương Kiến Huy	11	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
193	403212	7	Đặng Nhật Huy	24	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
194	403213	7	Lương Quốc Huy	17	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.25	10	9.0	Giỏi
195	403214	7	Nguyễn Hoàng Anh Huy	17	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
196	403215	7	Nguyễn Lê Huy	13	01	2000	Bình Định	Diên Hồng	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
197	403216	8	Nguyễn Việt Huy	10	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
198	403217	8	Phu Mây Huy	03	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
199	403218	8	Tất Huân	Huy	24	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
200	403219	8	Thi Quốc	Huy	31	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
201	403220	8	Trâm Minh	Huy	21	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
202	403221	8	Trương Tấn	Huy	17	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
203	403222	8	Nguyễn Thị Xuân	Huyền	11	04	2000	Vĩnh Long	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
204	403223	8	Đặng Quang	Hưng	08	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	9	8.5	Khá
205	403224	8	Nguyễn Thành	Hưng	13	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		
206	403225	8	Bùi Thu	Hương	21	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
207	403226	8	Đặng Ngọc	Hương	28	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
208	403227	8	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	31	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
209	403228	8	Trần Kim	Hương	28	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
210	403229	8	Trần Liên Quế	Hương	25	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
211	403230	8	Vương Quỳnh	Hương	05	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5	9	8.0	Khá
212	403231	8	Trần Thị Cẩm	Hường	28	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
213	403232	8	Nguyễn Nhựt	Kha	22	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
214	403233	8	Ngô Gia	Khang	23	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.5	9.5	9.5	Giỏi
215	403234	8	Nguyễn Mạnh	Khang	29	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
216	403235	8	Nguyễn Thái Nguyên	Khang	14	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
217	403236	8	Phan Vĩnh	Khang	27	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
218	403237	8	Tăng Chí	Khang	08	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
219	403238	8	Trần Đức	Khang	11	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
220	403239	8	Trần Nguyên	Khang	17	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.75	10	8.5	Tbình
221	403240	8	Nguyễn Văn	Khanh	22	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
222	403241	8	Tạ Hoàng Phương	Khanh	27	10	2000	Gia Lai	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
223	403242	8	Xôi Trường	Khanh	01	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
224	403243	8	Đoàn Minh	Khánh	09	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
225	403244	9	Đỗ Quang Minh	Khánh	23	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
226	403245	9	Lưu Doãn	Khánh	16	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
227	403246	9	Nguyễn Đăng	Khánh	05	08	2000	Lâm Đồng	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
228	403247	9	Nguyễn Ngọc	Khánh	20	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
229	403248	9	Nguyễn Trần Đình	Khánh	13	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
230	403249	9	Trần Công Quốc	Khánh	02	09	2000	Bình Phước	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
231	403250	9	Nguyễn Anh	Khoa	11	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
232	403251	9	Nguyễn Đăng	Khoa	27	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.5	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
233	403252	9	Nguyễn Đăng Khoa		23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
234	403253	9	Phạm Đăng Khoa		03	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
235	403254	9	Trần Vũ Khoa		19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
236	403255	9	Vũ Anh Khoa		18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
237	403256	9	Phạm Hoàng Anh	Khôi	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
238	403257	9	Lâu Vĩnh Khương		01	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		
239	403258	9	Đặng Ấu Kiệt		24	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
240	403259	9	Lê Tuấn Kiệt		14	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
241	403260	9	Lư Xâu Kiệt		07	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
242	403261	9	Phạm Anh Kiệt		08	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8.25	9.5	9.0	Giỏi
243	403262	9	Đàm Phụng Kiều		15	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
244	403263	9	Bùi Mỹ Kim		12	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
245	403264	9	Trần Bội Kim		01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
246	403265	9	Nguyễn Kỳ Kỳ		26	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
247	403266	9	Tô Gia Kỳ		17	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
248	403267	9	Trác Minh Kỳ		06	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	v		
249	403268	9	Lưu Kim Lan		01	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
250	403269	9	Nguyễn Lê Thuý Lan		24	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
251	403270	9	Bùi Thanh Lâm		06	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.5	10	9.5	Giỏi
252	403271	9	Huỳnh Phương Lâm		01	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
253	403272	10	Nguyễn Công Lâm		03	01	2000	Bắc Ninh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
254	403273	10	Tào Bảo Lân		14	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6	9	8.5	Khá
255	403274	10	Trần Thị Bích Liên		26	11	2000	Quảng Nam	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá
256	403275	10	Bùi Bích Khánh Linh		01	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
257	403276	10	Chi Tiểu Linh		17	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
258	403277	10	Dương Khánh Linh		21	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
259	403278	10	Huỳnh Trần Khánh Linh		11	10	2000	Đà Nẵng	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	8	9.5	9.0	Giỏi
260	403279	10	Lê Bảo Linh		25	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	v		
261	403280	10	Lê Nguyễn Ngọc Linh		24	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
262	403281	10	Lê Thuý Mỹ Linh		25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
263	403282	10	Lương Yên Linh		16	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
264	403283	10	Nguyễn Thị Trúc Linh		22	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
265	403284	10	Phạm Hoàng Khánh Linh		14	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
266	403285	10	Phùng Mỹ Linh		02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
267	403286	10	Trần Khiết Linh	07	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.5	10	9.5	Giỏi
268	403287	10	Trần Lê Phương Linh	01	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	4.5	10	8.5	Tbình
269	403288	10	Trần Yến Linh	15	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
270	403289	10	Huỳnh Thị Kim Loan	31	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.5	10	9.5	Giỏi
271	403290	10	Trần Thuý Thuý	29	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
272	403291	10	Bùi Giang Long	28	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5	8.5	7.5	Khá
273	403292	10	Hồ Ngọc Long	13	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
274	403293	10	Huỳnh Khánh Long	20	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5	8.5	7.5	Khá
275	403294	10	Huỳnh Khôn Long	25	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	4.5	9	8.0	Tbình
276	403295	10	Lê Hoàng Long	21	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
277	403296	10	Lê Phạm Bảo Long	22	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
278	403297	10	Nguyễn Bảo Long	23	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4	9.5	8.0	Tbình
279	403298	10	Nguyễn Hoàng Long	29	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
280	403299	10	Phan Phi Long	01	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		
281	403300	11	Phó Thiên Long	30	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		
282	403301	11	Phùng Kim Long	12	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6	9	8.5	Khá
283	403302	11	Quách Long	24	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
284	403303	11	Trần Đại Long	21	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
285	403304	11	Trần Hoàng Long	22	09	2000	Thừa Thiên - Huế	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
286	403305	11	Trần Kiên Long	01	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
287	403306	11	Trần Thành Long	23	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
288	403307	11	Trương Duy Long	27	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
289	403308	11	Vũ Đức Long	06	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	v		
290	403309	11	Vũ Đức Long	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
291	403310	11	Vương Khánh Long	23	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
292	403311	11	Tăng Đỗ Hữu Lộc	15	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
293	403312	11	Trương Quang Lộc	07	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.25	10	9.0	Giỏi
294	403313	11	Bùi Anh Lợi	23	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.5	9	8.5	Khá
295	403314	11	Trương Quang Lợi	20	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
296	403315	11	Chung Hân Luân	08	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	9.25	8.5	Khá
297	403316	11	Đặng Thảo Ly	08	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
298	403317	11	Nguyễn Vũ Tuyết Mai	05	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
299	403318	11	Phạm Nguyễn Quỳnh Mai	07	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
300	403319	11	Phạm Thanh Mai	22	07	2000	Quảng Ngãi	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.5	9.25	8.0	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
301	403320	11	Trương Quỳnh	Mai	04	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
302	403321	11	Châu Thi	Mẫn	09	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
303	403322	11	Diệp Bội	Mẫn	07	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.5	9.25	9.0	Giỏi
304	403323	11	Huỳnh Gia	Mẫn	08	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.5	10	9.5	Giỏi
305	403324	11	Nguyễn Ngọc Minh	Mẫn	08	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.25	9.75	9.0	Giỏi
306	403325	11	Trần Tú	Mẫn	29	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
307	403326	11	Trương Huệ	Mẫn	16	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	9.25	8.5	Khá
308	403327	11	Vũ Minh	Mẫn	21	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
309	403328	12	Hồ Công Quang	Minh	26	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
310	403329	12	Huỳnh Đại	Minh	07	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.75	8.5	8.5	Khá
311	403330	12	Lê Yên	Minh	19	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6	9.25	8.5	Khá
312	403331	12	Nguyễn Công	Minh	11	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
313	403332	12	Nông Gia	Minh	22	09	2000	Vĩnh Long	Diên Hồng	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá
314	403333	12	Châu Hải	My	30	04	2000	Vĩnh Long	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	9	8.5	Khá
315	403334	12	Nguyễn Hải	My	26	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	8.75	8.0	Khá
316	403335	12	Nguyễn Như Hải	My	14	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
317	403336	12	Nguyễn Tường	My	28	11	2000	Kiên Giang	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9.75	9.0	Giỏi
318	403337	12	Phan Thị Thu	My	12	03	2000	Quảng Ngãi	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.75	9	8.5	Khá
319	403338	12	Trần Ngọc Phương	My	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
320	403339	12	Văn Thiên	My	31	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	9.25	8.5	Khá
321	403340	12	Kiệt Hoàn	Mỹ	19	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8.75	9	9.0	Giỏi
322	403341	12	Phan Du	Mỹ	10	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	9.75	9.0	Giỏi
323	403342	12	Trương Ngọc	Mỹ	20	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9.75	9.0	Giỏi
324	403343	12	Trương Ngọc Hoàng	Mỹ	21	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
325	403344	12	Hàng Nhật	Nam	16	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		
326	403345	12	Mã Tuấn	Nam	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
327	403346	12	Nguyễn Giang Thành	Nam	09	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	7.5	7.0	Khá
328	403347	12	Nguyễn Hoài	Nam	06	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	7.5	7.5	Khá
329	403348	12	Lưu Ngọc	Nga	19	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
330	403349	12	Nguyễn Hoàng Thu	Ngân	08	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	9.25	8.5	Khá
331	403350	12	Nguyễn Mai Kim	Ngân	22	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	8	7.5	Khá
332	403351	12	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	06	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	9.75	9.0	Giỏi
333	403352	12	Nguyễn Phương	Ngân	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.25	8	7.5	Khá
334	403353	12	Phạm Ngọc Kim	Ngân	24	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
335	403354	12	Phùng Thị Thủy	Ngân	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	9.25	8.5	Khá
336	403355	12	Tạ Nguyễn Minh	Ngân	21	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	8	7.5	Khá
337	403356	13	Trần Đỗ Yến	Ngân	22	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
338	403357	13	Trần Nguyễn Trúc	Ngân	05	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	8.5	8.0	Khá
339	403358	13	Võ Bích	Ngân	11	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
340	403359	13	Châu Chánh	Nghi	31	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.5	8.5	8.5	Khá
341	403360	13	Châu Lê	Nghi	25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
342	403361	13	Lê Thục	Nghi	18	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
343	403362	13	Nguy Khánh	Nghi	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	5.5	8	7.5	Khá
344	403363	13	Nguyễn Hạ Phương	Nghi	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.5	8	8.0	Khá
345	403364	13	Trần Trung	Nghị	21	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
346	403365	13	Dương Minh	Nghĩa	22	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	v		
347	403366	13	Lê Hữu	Nghĩa	12	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		
348	403367	13	Trương Tín	Nghĩa	12	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.5	8	7.5	Khá
349	403368	13	Bành Hồng	Ngọc	17	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	4.75	8	7.0	Tbình
350	403369	13	Dương Bội	Ngọc	14	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
351	403370	13	Đặng Khánh	Ngọc	19	07	2000	Đắk Lắk	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
352	403371	13	Đinh Thái	Ngọc	23	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
353	403372	13	Đỗ Thị Cẩm	Ngọc	29	08	2000	Đồng Nai	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8	9	9.0	Giỏi
354	403373	13	Hoàng Như	Ngọc	24	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	8.5	8.0	Khá
355	403374	13	Ngô Thị Bảo	Ngọc	03	09	2000	Hà Nội	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	8	8.0	Khá
356	403375	13	Nguyễn Hồng	Ngọc	09	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
357	403376	13	Nguyễn Lê Trường Như	Ngọc	21	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
358	403377	13	Nguyễn Như	Ngọc	06	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
359	403378	13	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8.25	9.5	9.0	Giỏi
360	403379	13	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	06	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
361	403380	13	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc	25	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4	7.5	6.5	Tbình
362	403381	13	Phạm Thị Bích	Ngọc	13	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.5	9	8.5	Khá
363	403382	13	Tăng Phương	Ngọc	21	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.5	8	7.5	Khá
364	403383	13	Trần Mỹ	Ngọc	29	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	v	v		
365	403384	14	Trần Nguyên Minh	Ngọc	22	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
366	403385	14	Trần Như	Ngọc	22	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
367	403386	14	Văn Bảo	Ngọc	01	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
368	403387	14	Châu Hào	Nguyên	08	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	8.5	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
369	403388	14	Lâm Phúc	Nguyễn	27	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5	10	9.0	Giỏi
370	403389	14	Lê Minh	Nguyễn	12	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5	10	9.0	Giỏi
371	403390	14	Nguyễn Lâm Tú	Nguyễn	02	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
372	403391	14	Nguyễn Lê	Nguyễn	29	10	2000	Lâm Đồng	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	10	9.0	Giỏi
373	403392	14	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	04	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
374	403393	14	Trần Hạnh	Nguyễn	21	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
375	403394	14	Trần Lê Khôi	Nguyễn	18	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
376	403395	14	Trần Phan Hạnh	Nguyễn	24	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5	8	7.5	Khá
377	403396	14	Lưu Long	Nguyễn	05	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	8	7.5	Khá
378	403397	14	Phùng Quang	Nguyệt	22	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
379	403398	14	Trương Minh	Nguyệt	29	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
380	403399	14	Ngô Thái Thanh	Nhã	11	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
381	403400	14	Nguyễn Hoàng Thanh	Nhã	01	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
382	403401	14	Nguyễn Thanh	Nhã	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
383	403402	14	Hồ Nguyễn Trí	Nhân	06	10	2000	Lâm Đồng	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.25	9	9.0	Giỏi
384	403403	14	Mai Trọng	Nhân	12	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
385	403404	14	Phạm Hữu	Nhân	09	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	8.5	8.0	Khá
386	403405	14	Tiết Phú	Nhân	20	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
387	403406	14	Văn Thành	Nhân	13	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.5	v		
388	403407	14	Huỳnh Châu Hồng	Nhật	03	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
389	403408	14	Nguyễn Minh	Nhật	05	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
390	403409	14	Bùi Ngọc Tuyết	Nhi	28	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
391	403410	14	Cao Thị Tuyết	Nhi	23	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5	10	9.0	Giỏi
392	403411	14	Chung Tuệ	Nhi	29	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6	9	8.5	Khá
393	403412	15	Đặng Thảo	Nhi	08	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	4	10	8.5	Tbình
394	403413	15	Lâm Ái	Nhi	11	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
395	403414	15	Lê Ngọc Thanh	Nhi	05	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
396	403415	15	Lê Phương	Nhi	18	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
397	403416	15	Lê Thị Tuyết	Nhi	29	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	4.75	10	8.5	Tbình
398	403417	15	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nhi	14	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	4.5	9.5	8.5	Tbình
399	403418	15	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	22	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
400	403419	15	Nhân Mỹ	Nhi	29	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8	9.5	9.0	Giỏi
401	403420	15	Phạm Gia Minh	Nhi	07	05	2000	Đồng Nai	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
402	403421	15	Phan Thụy Yến	Nhi	03	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
403	403422	15	Tạ Hoàng Yến	Nhi	05	12	2000	Bến Tre	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		
404	403423	15	Tạ Nguyễn Uyên	Nhi	18	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
405	403424	15	Tổng Hoàng Hiền	Nhi	27	07	2000	Thừa Thiên - Huế	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
406	403425	15	Tổng Huỳnh Tuyết	Nhi	07	04	2000	Sóc Trăng	Diên Hồng	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
407	403426	15	Trần Ngọc Tố	Nhi	30	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	v		
408	403427	15	Trần Thị Tuyết	Nhi	21	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
409	403428	15	Trần Thị Yến	Nhi	07	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
410	403429	15	Trịnh Nguyên Diệu	Nhi	02	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
411	403430	15	Vòng Tâm	Nhi	23	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
412	403431	15	Trần Hà Hảo	Nhiên	06	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
413	403432	15	Hứa Bảo	Nhơn	31	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.5	10	9.0	Giỏi
414	403433	15	Đặng Bích	Nhung	20	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	7.5	7.5	Khá
415	403434	15	Hồng Trường	Nhung	22	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
416	403435	15	Nguyễn Tuyết	Nhung	01	10	2000	Quảng Ngãi	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
417	403436	15	Bùi Hiếu	Như	25	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	v	v		
418	403437	15	Lâm Phối	Như	10	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
419	403438	15	Lê Kim	Như	03	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
420	403439	15	Lu Ái	Như	03	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.5	10	9.5	Giỏi
421	403440	16	Nguyễn Huỳnh Lâm	Như	14	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
422	403441	16	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	15	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
423	403442	16	Phạm Thị Huỳnh	Như	24	03	2000	Gia Lai	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
424	403443	16	Trần Lê Tố	Như	14	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
425	403444	16	Võ Thị Minh	Như	12	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.5	8	8.0	Khá
426	403445	16	Huỳnh Minh	Nhựt	25	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
427	403446	16	Lâm Kim	Oanh	28	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
428	403447	16	Đặng Quang	Phạm	06	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.25	8.5	7.5	Khá
429	403448	16	Trần Nguyên	Phát	30	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
430	403449	16	Lộc Ngọc	Phân	01	11	2000	Bình Thuận	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
431	403450	16	Nguyễn Hoàng	Phi	24	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5	9.5	8.5	Khá
432	403451	16	Hồ Vĩnh	Phong	18	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5	9	8.0	Khá
433	403452	16	Trần Gia	Phong	30	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
434	403453	16	Trần Thanh	Phong	17	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
435	403454	16	Vân Vĩnh	Phong	07	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
436	403455	16	Châu Hào	Phú	28	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8	8.5	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
437	403456	16	Lê Ngọc Gia	Phúc	20	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
438	403457	16	Nguyễn Lê Hoàng	Phúc	22	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5	9.5	8.5	Khá
439	403458	16	Nguyễn Thanh	Phúc	29	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
440	403459	16	Phan Hoàng	Phúc	28	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	8.5	8.0	Khá
441	403460	16	Tạ Ngọc Diễm	Phúc	15	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
442	403461	16	Dương Ngọc	Phụng	28	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.25	8	8.0	Khá
443	403462	16	Hà Mỹ	Phụng	09	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	9	8.5	Khá
444	403463	16	La Hy	Phụng	07	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5	9	8.0	Khá
445	403464	16	Phạm Kim	Phụng	29	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
446	403465	16	Hà Gia	Phước	01	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
447	403466	16	Hồ Cao Hữu	Phước	19	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
448	403467	16	Trần Ngọc	Phước	01	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
449	403468	17	Bùi Huỳnh Mỹ	Phương	11	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	3.75	v		
450	403469	17	Bùi Mai	Phương	22	09	2000	Thái Bình	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
451	403470	17	Bùi Nguyễn Yên	Phương	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
452	403471	17	Dung Thục	Phương	09	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
453	403472	17	Ngô Trần Yên	Phương	11	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.25	9	9.0	Giỏi
454	403473	17	Nguyễn Đông	Phương	24	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
455	403474	17	Nguyễn Phạm Thanh	Phương	25	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8.5	8.5	8.5	Khá
456	403475	17	Nguyễn Phạm Trúc	Phương	15	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8	9	9.0	Giỏi
457	403476	17	Nguyễn Thị Hồng	Phương	14	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	8.5	10	9.5	Giỏi
458	403477	17	Phan Lam	Phương	09	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	8.5	8.0	Khá
459	403478	17	Tạ Quang Duy	Phương	21	01	2000	Quảng Ngãi	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
460	403479	17	Trần Chiêu Diễm	Phương	20	03	2000	Bến Tre	Diên Hồng	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
461	403480	17	Trần Thị Nhã	Phương	06	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
462	403481	17	Lưu Kim	Phượng	25	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
463	403482	17	Nguyễn Hoàng Đoan	Phượng	28	05	2000	Ninh Thuận	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.75	9	8.5	Khá
464	403483	17	Vũ Thuý	Phượng	06	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
465	403484	17	Bùi Vạn	Quang	28	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
466	403485	17	Nguyễn Hồng	Quang	19	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	8.5	8.0	Khá
467	403486	17	Nguyễn Minh	Quang	09	04	2000	Quảng Ngãi	Diên Hồng	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
468	403487	17	Huỳnh Lệ	Quân	11	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.5	9	8.5	Khá
469	403488	17	Huỳnh Trung	Quân	14	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	4.5	10	8.5	Tbình
470	403489	17	Kiều Minh	Quân	03	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
471	403490	17	Nguyễn Võ Nhật	Quân	18	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	8	7.5	Khá
472	403491	17	Trần Hoàng Minh	Quân	25	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
473	403492	17	Nguyễn Minh	Quốc	14	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
474	403493	17	Nguyễn Nhan Quý	Quốc	08	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	8.5	8.0	Khá
475	403494	17	Nguyễn Tiến	Quốc	25	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
476	403495	17	Nguyễn Tuấn	Quốc	14	10	1999	Kiên Giang	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	v	v		
477	403496	18	Trần Bảo	Quốc	26	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
478	403497	18	Bùi Ngọc	Quyên	22	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
479	403498	18	Bùi Thị Ngọc	Quyên	03	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
480	403499	18	Mai Nguyễn Hoàng	Quyên	01	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.25	10	9.0	Giỏi
481	403500	18	Trịnh Thục	Quyên	05	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
482	403501	18	Hồ Phạm Như	Quỳnh	10	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá
483	403502	18	Nguyễn Vũ Vy	Quỳnh	01	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
484	403503	18	Phạm Ngọc Phương	Quỳnh	10	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
485	403504	18	Trần Ngọc Như	Quỳnh	19	11	2000	Đồng Nai	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
486	403505	18	Trần Nguyễn Nhật	Quỳnh	17	08	1999	Lâm Đồng	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
487	403506	18	Tạ Thuý	San	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
488	403507	18	Chung Bội	Sang	06	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
489	403508	18	Hồ Tấn	Sang	06	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
490	403509	18	Nhâm Gia	Sang	07	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
491	403510	18	Phan Văn	Sỹ	21	03	1999	Tiền Giang	Diên Hồng	Nấu ăn	5.5	10	9.0	Giỏi
492	403511	18	Huỳnh Đức Phan	Tài	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8.25	9.5	9.0	Giỏi
493	403512	18	Mai Chí	Tài	15	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
494	403513	18	Nguyễn	Tài	15	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
495	403514	18	Nguyễn Tấn	Tài	24	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn		v		
496	403515	18	Nguyễn Thanh	Tài	29	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
497	403516	18	Trần Ngọc Tú	Tài	30	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
498	403517	18	Huỳnh Minh	Tâm	10	10	2000	Vĩnh Long	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
499	403518	18	Nguyễn Minh	Tâm	23	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.5	10	9.5	Giỏi
500	403519	18	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	30	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8	9	9.0	Giỏi
501	403520	18	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	29	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
502	403521	18	Nguyễn Võ Thanh	Tâm	01	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
503	403522	18	Hà Minh	Tân	12	06	2000	Tiền Giang	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
504	403523	18	Phương Hồng	Tân	13	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn		v		

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
505	403524	19	Phạm Trần Đình Tấn	31	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	4.5	9.5	8.5	Tbình
506	403525	19	Lê Hoàng Nguyên Thái	27	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
507	403526	19	Đoàn Thanh Thanh	28	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn		v		
508	403527	19	Mai Thanh Thanh	31	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
509	403528	19	Phạm Nguyễn Hà Thanh	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
510	403529	19	Trần Kim Thanh	14	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
511	403530	19	Vũ Thị Thiên Thanh	21	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
512	403531	19	Châu Kim Thành	22	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
513	403532	19	Dương Viễn Thành	08	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6	v		
514	403533	19	Đoàn Hồ Duy Thành	17	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
515	403534	19	Lưu Vĩ Thành	19	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
516	403535	19	Nguyễn Công Thành	25	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
517	403536	19	Phạm Ngọc Thành	04	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
518	403537	19	Cao Nguyễn Phương Thảo	31	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.5	10	9.5	Giỏi
519	403538	19	Đinh Phương Thảo	07	12	2000	Hải Phòng	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
520	403539	19	Hứa Nguyệt Thảo	25	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.25	10	9.0	Giỏi
521	403540	19	Lê Ngọc Phương Thảo	25	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
522	403541	19	Lê Thanh Thảo	28	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
523	403542	19	Lưu Thị Thanh Thảo	24	12	2000	Vĩnh Long	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
524	403543	19	Nguyễn Thị Hương Thảo	15	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
525	403544	19	Nguyễn Thị Mai Thảo	08	07	2000	Đắk Lắk	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
526	403545	19	Nguyễn Thị Thu Thảo	27	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
527	403546	19	Nguyễn Trần Phương Thảo	01	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
528	403547	19	Thái Ngọc Thảo	10	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
529	403548	19	Trần Thảo	24	05	2000	Hà Lan	Diên Hồng	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
530	403549	19	Trần Thanh Thảo	05	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
531	403550	19	Vương Ngọc Thanh Thảo	05	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.25	10	9.5	Giỏi
532	403551	19	Lâm Nguyễn Minh Thắng	23	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
533	403552	20	Lương Khôn Thắng	15	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
534	403553	20	Nguyễn Văn Thắng	19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
535	403554	20	Phạm Quang Thắng	29	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
536	403555	20	Trương Thuận Thắng	12	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
537	403556	20	Nguyễn Quách Mai Thi	30	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
538	403557	20	Nguyễn Thanh Thi	13	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
539	403558	20	Tăng Bích Thi	28	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
540	403559	20	Lê Văn Thiện	17	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.25	9	8.0	Khá
541	403560	20	Nguyễn Trường Thịnh	01	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
542	403561	20	Phan Phước Thịnh	21	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
543	403562	20	Trần Hoàng Thịnh	08	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
544	403563	20	Trần Phúc Thịnh	07	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
545	403564	20	Đặng Thành Nhất Thông	27	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
546	403565	20	Hồ Quyền Thông	08	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
547	403566	20	Nguyễn Bùi Quang Thông	14	06	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
548	403567	20	Nguyễn Viết Thụ	26	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
549	403568	20	Huỳnh Vũ Minh Thuận	14	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	4.75	9.5	8.5	Tbình
550	403569	20	Lê Minh Thuận	08	12	2000	Đồng Nai	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
551	403570	20	Viên Bích Thuận	23	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
552	403571	20	Nguyễn Lê Doan Thục	10	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
553	403572	20	Nguyễn Huỳnh Ngọc Thuý	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	4.75	9	8.0	Tbình
554	403573	20	Đinh Minh Thuý	02	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
555	403574	20	Trần Thị Thanh Thùy	19	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
556	403575	20	Huỳnh Minh Thư	11	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
557	403576	20	La Minh Thư	13	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	4.75	9.5	8.5	Tbình
558	403577	20	Lê Vũ Minh Thư	13	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
559	403578	20	Lý Anh Thư	29	09	2000	Sóc Trăng	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
560	403579	20	Nguyễn Hoàng Anh Thư	21	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	4.25	10	8.5	Tbình
561	403580	21	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	16	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
562	403581	21	Nguyễn Trần Xuân Thư	25	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.25	9.5	8.5	Khá
563	403582	21	Phạm Anh Thư	18	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
564	403583	21	Phạm Nguyễn Minh Thư	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
565	403584	21	Trần Thị Minh Thư	22	03	2000	Bến Tre	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
566	403585	21	Vũ Thị Anh Thư	11	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
567	403586	21	Nguyễn Xuân Thương	24	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	10	9.0	Giỏi
568	403587	21	Phạm Trương Hoài Thương	29	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
569	403588	21	Đặng Huệ Thường	30	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
570	403589	21	Lý Tạ Vi Thường	26	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
571	403590	21	Lưu Nguyễn Anh Thy	11	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
572	403591	21	Nguyễn Nguyễn Anh Thy	12	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
573	403592	21	Phạm Trần Bảo Thy	28	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
574	403593	21	Trần Ngọc Yên Thy	30	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.75	9.5	8.5	Tbình
575	403594	21	Đỗ Thị Mỹ Tiên	21	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
576	403595	21	Trần Huệ Tiên	11	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
577	403596	21	Trần Ngọc Cẩm Tiên	14	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
578	403597	21	Dương Gia Tiến	03	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	4.75	9	8.0	Tbình
579	403598	21	Nguyễn Đức Tiến	02	09	2000	Bình Định	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
580	403599	21	Nguyễn Thanh Tiến	09	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá
581	403600	21	Huỳnh Văn Tiếng	17	12	2000	Thừa Thiên - Huế	Nguyễn Du	Nấu ăn	5	v		
582	403601	21	Nguyễn Trung Tín	25	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	2.5	v		
583	403602	21	Phan Quốc Tín	12	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
584	403603	21	Phạm Trung Tính	05	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
585	403604	21	Vũ Thị Tính	13	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
586	403605	21	Hứa Ngọc Tinh	20	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.75	9	8.5	Khá
587	403606	21	Trần Đức Toàn	10	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.75	10	9.5	Giỏi
588	403607	21	Tán Huỳnh Thanh Trà	21	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
589	403608	22	Hà Nguyễn Đài Trang	21	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
590	403609	22	Huỳnh Thanh Phương Trang	26	11	2000	Long An	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
591	403610	22	Lê Xuân Trang	03	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	9.25	8.5	Khá
592	403611	22	Lý Xuân Trang	15	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
593	403612	22	Ngô Nguyễn Minh Trang	06	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.25	8.5	7.5	Khá
594	403613	22	Nguyễn Hoàng Thiên Trang	10	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	8	7.5	Khá
595	403614	22	Nguyễn Ngọc Minh Trang	18	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	v		
596	403615	22	Nguyễn Thị Minh Trang	23	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.5	9	8.5	Khá
597	403616	22	Nguyễn Thị Thùy Trang	28	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
598	403617	22	Thạch Thị Sơn Trang	23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.75	8.5	8.5	Khá
599	403618	22	Vũ Thuỳ Trang	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5	8.75	8.0	Khá
600	403619	22	Lê Ngọc Đoan Trâm	19	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.25	8	8.0	Khá
601	403620	22	Nguyễn Châu Kỳ Trâm	12	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.25	8.5	8.0	Khá
602	403621	22	Nguyễn Mai Thanh Trâm	13	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.5	9.75	9.0	Giỏi
603	403622	22	Nguyễn Ngọc Minh Trâm	24	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.75	9.5	8.5	Tbình
604	403623	22	Võ Nguyễn Quế Trâm	19	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	9.25	8.5	Khá
605	403624	22	Vũ Ngọc Thuỳ Trâm	22	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	v		
606	403625	22	Huỳnh Ngọc Trân	12	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
607	403626	22	La Bảo Trân	07	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
608	403627	22	Nguyễn Ái Trân	01	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.5	10	9.0	Giỏi
609	403628	22	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	03	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
610	403629	22	Nguyễn Thị Bảo Trân	11	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
611	403630	22	Tăng Bảo Trân	20	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	10	9.0	Giỏi
612	403631	22	Đậu Ngọc Minh Trí	12	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9.25	8.5	Khá
613	403632	22	Nguyễn Dương Minh Trí	04	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	9.25	8.5	Khá
614	403633	22	Trịnh Phan Minh Trí	20	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	9.75	9.0	Giỏi
615	403634	22	Tsan Quang Trí	28	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	8	8.5	8.5	Khá
616	403635	22	Vương Minh Trí	09	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.75	8	7.5	Khá
617	403636	23	Nguyễn Minh Triết	07	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
618	403637	23	Nguyễn Long Triều	22	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
619	403638	23	Cao Nguyễn Phương Trinh	29	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6	9.25	8.5	Khá
620	403639	23	Lâm Ngọc Trinh	30	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7	8.5	8.0	Khá
621	403640	23	Lê Châu Ngọc Trinh	14	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	8	7.5	Khá
622	403641	23	Lê Huệ Trinh	08	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá
623	403642	23	Nguyễn Tiêu Bích Tú Trinh	13	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
624	403643	23	Phạm Ngọc Trinh	21	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	v		
625	403644	23	Trịnh Thục Trinh	23	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9.75	9.0	Giỏi
626	403645	23	Phan Nguyễn Thanh Trọng	26	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
627	403646	23	Đỗ Thanh Trúc	06	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá
628	403647	23	Liêu Thanh Trúc	31	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
629	403648	23	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	17	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	5.25	8.5	7.5	Khá
630	403649	23	Võ Ngọc Huệ Trúc	29	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.5	9	8.5	Khá
631	403650	23	Kiều Quốc Trung	12	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	8.5	8.0	Khá
632	403651	23	Nguyễn Đức Trung	14	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	5.75	9.25	8.5	Khá
633	403652	23	Nguyễn Hữu Minh Trung	14	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		
634	403653	23	Nguyễn Thanh Trung	12	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	9	8.5	Khá
635	403654	23	Lâm Quang Trục	27	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	8.25	9.5	9.0	Giỏi
636	403655	23	Ngân Anh Trường	15	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	10	9.0	Giỏi
637	403656	23	Nguyễn Minh Trường	18	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	8.5	8.0	Khá
638	403657	23	Nguyễn Quan Trường	08	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
639	403658	23	Đàm Quang Thanh Tú	29	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
640	403659	23	Lý Hà Cẩm Tú	10	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	8.5	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
641	403660	23	Phạm Văn Tuấn	22	07	2000	Thanh Hóa	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
642	403661	23	Lê Đình Tuấn	06	01	2000	Quảng Trị	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
643	403662	23	Nguyễn Đức Anh Tuấn	09	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.5	9	8.0	Khá
644	403663	23	Nguyễn Văn Tuấn	21	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.25	9	8.0	Khá
645	403664	24	Trần Thanh Tuấn	20	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	v		
646	403665	24	Đặng Thiên Tuệ	23	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	9	8.5	Khá
647	403666	24	Lâm Thanh Tùng	28	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
648	403667	24	Dương Bích Tuyên	30	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.75	9.5	8.5	Khá
649	403668	24	Nguyễn Châu Thanh Tuyên	19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.5	10	9.5	Giỏi
650	403669	24	Nguyễn Thị Mộng Tuyên	11	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9.5	9.0	Giỏi
651	403670	24	Nguyễn Thị Thu Tuyết	19	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	9	8.5	Khá
652	403671	24	Lương Thu Uyên	20	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
653	403672	24	Ngô Mỹ Uyên	30	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
654	403673	24	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	12	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.75	9	8.0	Khá
655	403674	24	Nguyễn Phương Uyên	09	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	9.5	9.0	Giỏi
656	403675	24	Nguyễn Vũ Phương Uyên	13	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	5.25	9	8.0	Khá
657	403676	24	Trần Đặng Phương Uyên	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
658	403677	24	Trần Phương Uyên	12	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	9	8.5	Khá
659	403678	24	Đàm Nhã Văn	08	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
660	403679	24	Đinh Bội Văn	17	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	4.5	9	8.0	Tbình
661	403680	24	Giang Mỹ Vân	05	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8	10	9.5	Giỏi
662	403681	24	La Lệ Vân	28	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
663	403682	24	Lương Ngọc Yến Vân	07	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.75	9	8.0	Tbình
664	403683	24	Nguyễn Bích Vân	13	02	2000	Tiền Giang	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
665	403684	24	Nguyễn Đồng Thảo Vân	29	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
666	403685	24	Nguyễn Trương Lệ Vân	21	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.5	9.5	8.5	Khá
667	403686	24	Phạm Ngọc Thanh Vân	04	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
668	403687	24	Phan Huỳnh Khánh Vân	28	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8	9	9.0	Giỏi
669	403688	24	Phan Thị Thanh Vân	08	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7	8	8.0	Khá
670	403689	24	Tất Hiệp Vân	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	5.75	7	6.5	Tbình
671	403690	24	Nguyễn Lê Tường Vi	06	05	2000	Trà Vinh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9.5	9.0	Giỏi
672	403691	24	Nguyễn Ngọc Phương Vi	14	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	9	8.5	Khá
673	403692	25	Trần Đức Việt	02	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.75	8	7.5	Khá
674	403693	25	Trương Quốc Việt	12	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	v	v		

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
675	403694	25	Huỳnh Vi	Vinh	07	03	2000	Bạc Liêu	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
676	403695	25	Lâm Thành	Vinh	31	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	5.75	8.5	8.0	Khá
677	403696	25	Lê Trọng	Vinh	24	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.5	9.5	9.0	Giỏi
678	403697	25	Ngô Hoàng	Vinh	19	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.5	8	7.0	Tbình
679	403698	25	Phạm Quang	Vinh	22	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
680	403699	25	Trần Quang	Vinh	30	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	5.25	9	8.0	Khá
681	403700	25	Đặng Trần Long	Vũ	29	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	4.75	7	6.5	Tbình
682	403701	25	Bùi Phạm Mai	Vy	12	02	2000	Đồng Tháp	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.25	9.5	9.0	Giỏi
683	403702	25	Châu Ngọc Uyên	Vy	26	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	v	v		
684	403703	25	Đinh Trương Thảo	Vy	03	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	8.5	8.0	Khá
685	403704	25	Đoàn Lê Khánh	Vy	18	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	8	9.5	9.0	Giỏi
686	403705	25	Đỗ Hoàng Nhật	Vy	07	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.25	8.5	8.0	Khá
687	403706	25	Đỗ Ngọc Hà	Vy	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	6.75	7.5	7.5	Khá
688	403707	25	Hạng Lê Thảo	Vy	03	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	4.25	9	8.0	Tbình
689	403708	25	Huỳnh Lan	Vy	31	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
690	403709	25	Lê Phương Bảo	Vy	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	9	8.5	Khá
691	403710	25	Lê Thúy	Vy	13	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.25	9	9.0	Giỏi
692	403711	25	Ngô Khả	Vy	03	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
693	403712	25	Ngô Trần Thảo	Vy	15	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.5	9	8.5	Khá
694	403713	25	Nguyễn Đức Thiên	Vy	02	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	7	8.5	8.0	Khá
695	403714	25	Nguyễn Hoàng Xuân	Vy	15	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6	8.5	8.0	Khá
696	403715	25	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	23	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	8.5	8.0	Khá
697	403716	25	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	22	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
698	403717	25	Nguyễn Thái Hạ	Vy	27	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.75	8	7.5	Khá
699	403718	25	Nguyễn Thảo	Vy	08	02	2000	Tiền Giang	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7.75	9	8.5	Khá
700	403719	25	Nguyễn Thế Lan	Vy	10	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6	8.5	8.0	Khá
701	403720	26	Phạm Khánh	Vy	07	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
702	403721	26	Tăng Tường	Vy	19	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi
703	403722	26	Trần Ngọc Quỳnh	Vy	01	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
704	403723	26	Trần Nguyễn Phương	Vy	09	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	7.25	10	9.5	Giỏi
705	403724	26	Trần Thanh Thuý	Vy	08	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	10	9.0	Giỏi
706	403725	26	Trần Thảo	Vy	20	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	9	8.5	Khá
707	403726	26	Trương Thị Thảo	Vy	31	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.5	10	9.0	Giỏi
708	403727	26	Nguyễn Thiên	Vỹ	01	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	10	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
709	403728	26	Trần Chiêu Xuân	13	04	2000	Đồng Nai	Nguyễn Du	Nấu ăn	6	9.5	8.5	Khá
710	403729	26	Trần Đăng Hương Xuân	27	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Du	Nấu ăn	6.25	8	7.5	Khá
711	403730	26	Trần Kim Xuyên	25	01	2000	Tiền Giang	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.5	9	9.0	Giỏi
712	403731	26	Nguyễn Thị Như Ý	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	10	9.5	Giỏi
713	403732	26	Phan Thị Như Ý	23	04	2000	Thừa Thiên - Huế	Diên Hồng	Nấu ăn	6.75	9.5	9.0	Giỏi
714	403733	26	Hồ Bích Yên	23	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	7	9	8.5	Khá
715	403734	26	Huỳnh Kim Yên	24	01	2000	Cần Thơ	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	8.25	10	9.5	Giỏi
716	403735	26	Lục Kim Yên	30	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hữu Trang	Nấu ăn	6.25	9.5	8.5	Khá
717	403736	26	Ngô Triệu Kim Yên	14	07	2000	Quảng Ngãi	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	6.75	10	9.0	Giỏi
718	403737	26	Nguyễn Hoàng Yên	22	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Diên Hồng	Nấu ăn	4	9.5	8.0	Tbình
719	403738	26	Phan Ngọc Xuân Yên	18	02	2000	An Giang	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	8.25	10	9.5	Giỏi
720	403739	26	Trần Võ Thanh Yên	16	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Sương Nguyệt Anh	Nấu ăn	7.75	9.5	9.0	Giỏi

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

TỔNG KẾT

Tổng số thí sinh trong danh sách:	720
- Số thí sinh dự thi:	653
- Số thí sinh vắng:	67
- Số thí sinh hỏng:	1
- Số thí sinh đạt:	
+ Xếp loại Giỏi:	310
+ Xếp loại Khá:	305
+ Xếp loại Tbình:	37

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Bảo Quốc